

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 1080 /ĐT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2009

HƯỚNG DẪN

Xây dựng các chương trình đào tạo mới phù hợp với kế hoạch phát triển của đại học Quốc gia Hà Nội

Việc xây dựng và phát triển các ngành đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển của ĐHQGHN, góp phần quyết định việc thực hiện thành công sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng nhu cầu cao của đất nước trong thời kỳ hội nhập; đóng vai trò nòng cốt và đầu tàu đổi mới trong hệ thống giáo dục đại học nước nhà, hỗ trợ chuyên môn cho các trường đại học, cao đẳng trong cả nước. Văn bản này hướng dẫn việc triển khai xây dựng và phát triển các ngành đào tạo mới đáp ứng xu thế của thế giới, phù hợp kế hoạch phát triển và tổ chức đào tạo tín chỉ ở ĐHQGHN.

1. Các nguyên tắc chung khi xây dựng và phát triển các ngành đào tạo mới ở ĐHQGHN

Việc xây dựng và phát triển ngành đào tạo mới để cấp văn bằng (degree) ở ĐHQGHN cần đảm bảo các tiêu chí sau:

1.1. Ưu tiên xây dựng các ngành, chuyên ngành có tính liên ngành cao, độc đáo, phát huy thế mạnh của các đơn vị; thúc đẩy liên thông, liên kết, hợp tác giữa các đơn vị trong ĐHQGHN và với các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp;

1.2. Phù hợp với sứ mệnh, gắn liền với chiến lược phát triển của các đơn vị và của toàn ĐHQGHN; có vai trò thí điểm tiên phong cho hệ thống giáo dục đại học nước nhà, đi trước để hỗ trợ chuyên môn cho các trường đại học, cao đẳng trong cả nước;

1.3. Ngành đào tạo mới không được trùng với các ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ do các đơn vị khác trong ĐHQGHN đang làm đầu mối phụ trách;

1.4. Phải được xây dựng theo cách tiếp cận của phương thức 4 bước đổi mới đào tạo: Điều tra nhu cầu và hình thành ý tưởng - Xây dựng chương trình - Tiến hành thử nghiệm - Triển khai đại trà (Conceive - Design - Implement – Operate, gọi tắt là CDIO); đáp ứng cao yêu cầu của thực tiễn; đảm bảo sinh viên sau khi tốt nghiệp có nhiều cơ hội việc làm và thoả mãn yêu cầu người sử dụng. (Nội dung CDIO sẽ có hướng dẫn riêng).

1.5. Làm cho người học có khả năng tự nâng cao năng lực và mở rộng phạm vi hoạt động, làm việc sau khi tốt nghiệp; đáp ứng khả năng cập nhật, mở rộng kiến thức thích ứng với sự phát triển nghề nghiệp và chuyên môn;

1.6. Đạt được yêu cầu hội nhập quốc tế về chuẩn nội dung, hệ thống văn bằng và mô hình đào tạo;

1.7. Có hiệu quả về mặt kinh tế và phù hợp với khả năng tài chính của ĐHQGHN và từng đơn vị;

1.8. Đảm bảo chất lượng trên cơ sở điều kiện hiện có và điều kiện bổ sung.

2. Một số loại hình chương trình đào tạo theo xu hướng đa ngành, liên ngành

Để giúp sinh viên nâng cao năng lực và mở rộng phạm vi hoạt động, làm việc sau khi tốt nghiệp; đáp ứng khả năng cập nhật, mở rộng kiến thức thích ứng với sự phát triển nghề nghiệp và nâng cao chuyên môn, các chương trình đào tạo ở ĐHQGHN được thiết kế theo các định hướng mềm dẻo và linh hoạt, đa ngành và liên ngành theo một số cấp độ và loại hình sau đây.

2.1. Ngành đơn (Single Major)

Các chương trình đào tạo truyền thống như toán học, vật lý, lịch sử,... là các chương trình đào tạo cung cấp các kiến thức đơn ngành (single discipline hoặc single major), được quản lý và tổ chức đào tạo hoàn toàn khép kín trong một khoa. Danh mục và khối lượng kiến thức của các môn học được thiết kế theo cấu trúc đã quy định chung cho một chương trình đào tạo; tổng khối lượng kiến thức trong khoảng 120 - 140 tín chỉ (chưa kể các nội dung về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

Độ mềm dẻo và linh hoạt của chương trình đào tạo ngành đơn kiểu này chỉ tạo được cho sinh viên một số lựa chọn chuyên ngành theo các lĩnh vực hẹp của ngành. Loại hình này tiếp tục được duy trì, củng cố và phát triển cho các ngành còn đáp ứng cao nhu cầu xã hội, có nội dung khoa học cập nhật và hiện đại.

2.2. Ngành chính – ngành phụ (Major – Minor)

Ngoài các nội dung chương trình đào tạo của ngành đơn thứ nhất, có thể bổ trí thêm các môn học của ngành đào tạo thứ hai hoặc các nội dung lựa chọn khá tự do, liên quan đến các ngành khác. Nếu các kiến thức bổ trí thêm của ngành thứ hai có thời lượng từ 15 đến 29 tín chỉ thì chương trình đào tạo mới được tạo ra sẽ có cấu trúc kiểu ngành chính (Major) – ngành phụ (Minor). Sau khi tốt nghiệp, người học chỉ được cấp một văn bằng. Tên văn bằng là tên của ngành chính. Sự khác biệt tạo bởi các môn học bổ sung chỉ được thể hiện trong bảng điểm ghi kết quả học tập của toàn khoá học.

Theo cách thiết kế này, kiến thức bổ trí thêm (ngành phụ) có thể thuộc phạm vi rộng, không nhất thiết phải thuộc cùng nhóm ngành (xem mục 3.1). Việc tổ quản lý và tổ chức đào tạo không còn khép kín trong một khoa nữa, mà được thực hiện liên thông giữa các khoa khác nhau trong cùng một đơn vị thành viên hoặc giữa các đơn vị thành viên của ĐHQGHN.

2.3. Ngành kép (Double Major)

Trong trường hợp các kiến thức bổ trí thêm vào nội dung chương trình đào tạo của ngành thứ nhất có khối lượng kiến thức của ngành thứ hai (trong cùng một nhóm ngành

hoặc nhóm ngành gần) từ 30 tín chỉ trở lên, chương trình đào tạo mới được tạo ra sẽ có cấu trúc kiểu ngành kép hay song ngành (Double Major). Trong trường hợp này, người học cũng được cấp một bằng. Tên văn bằng là tên của cả hai ngành (ví dụ: Ngành Toán – Tin, Toán - Kinh tế, Khoa học quản lý - Công nghệ thông tin,...).

Theo cách thiết kế này, ngành thứ hai nhất thiết phải thuộc cùng nhóm ngành hoặc nhóm ngành gần với ngành thứ nhất và khối lượng kiến thức bổ sung có thể thay đổi trong khoảng 30 - 50 tín chỉ. Khi đó, việc tổ chức quản lý và tổ chức đào tạo được thực hiện liên thông với các khoa khác nhau trong cùng một đơn vị thành viên hoặc giữa các đơn vị thành viên.

2.4. Bằng kép (Double Degree)

Trong trường hợp đặc biệt, khi các kiến thức bổ trí thêm vào chương trình mới tạo ra thỏa mãn đồng thời những quy định về chương trình khung tương ứng với hai ngành đào tạo khác nhau (về khối lượng kiến thức, cấu trúc và nội dung của các khối kiến thức của ngành,...) thì người tốt nghiệp sẽ được nhận hai văn bằng đại học hay bằng kép (Double Degree). Tuy nhiên, khi đó khối lượng kiến thức của toàn chương trình và thời gian đào tạo theo thiết kế sẽ lớn hơn nhiều ba kiểu cấu trúc nói trên. Hướng dẫn chi tiết xem trong mục 4.

2.5. Đa ngành và liên ngành (Multidisciplinary and Interdisciplinary Major)

Chương trình đào tạo đa ngành, liên ngành được thiết kế như một ngành mới có độ tích hợp cao các kiến thức, nội dung khoa học, phương pháp luận của một số lĩnh vực để tạo ra một ngành học mới. Tổng khối lượng kiến thức tối thiểu là 140 tín chỉ. Theo các mức độ tích hợp khác nhau, các chương trình về đào tạo kiểu này có thể được xây dựng theo hai cách tiếp cận:

2.5.1. Thiết kế chương trình đào tạo liên ngành theo cách đơn giản nhất bằng sự tổ hợp cơ học các môn học hoặc từng phần kiến thức của hai hay nhiều ngành học đã có trong kho dữ liệu các môn học của ĐHQGHN với nhau. Trong trường hợp này, tính đa ngành (multidisciplinarity) sẽ nổi trội hơn, cung cấp được kiến thức rộng, nhưng chỉ mở rộng theo chiều ngang chưa mới và sâu. Kiểu thiết kế chương trình này đào tạo được các chuyên gia đa ngành có hiểu biết về một số lĩnh vực khoa học, có thể thay thế vị trí cho hai hay nhiều người trong một nhóm chuyên gia đa ngành, nhưng thiếu tính hệ thống.

2.5.2. Thiết kế chương trình đào tạo mới với các nội dung của một khoa học liên ngành (interdiscipline) mới, bằng nhiều môn học mới với các kiến thức mới, hệ thống khái niệm mới. Kiểu chương trình đào tạo liên ngành này đào tạo được các nhà khoa học có khả năng xem xét và xử lý các vấn đề về khoa học mới một cách tổng thể theo phương pháp hệ thống. Việc xây dựng các chương trình đào tạo liên ngành không những phụ thuộc vào khả năng tiếp cận các khoa học liên ngành đang có mà còn phụ thuộc vào trình độ nghiên cứu khoa học – công nghệ, khả năng sáng tạo và liên thông, liên kết để có khả năng tạo ra các ngành khoa học, các chương trình đào tạo liên ngành mới. Các đơn vị cần có sự quan tâm đúng mức để phát triển loại chương trình này.

3. Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo mới đáp ứng yêu cầu đào tạo tín chỉ, phù hợp với điều kiện của ĐHQGHN

Để phục vụ nhu cầu của người học và yêu cầu của đào tạo tín chỉ, việc xây dựng các chương trình đào tạo mới được thực hiện theo phương thức sau đây.

3.1. Một văn bằng (một degree) có nhiều định hướng đào tạo (options)

Cấu trúc chương trình đào tạo được tổ chức thành hai phần: *phần cốt lõi của ngành* và *phần kiến thức hỗ trợ (hoặc lựa chọn)*, với thời lượng khoảng 140 tín chỉ trong đó:

- Tổng khối lượng kiến thức của phần kiến thức cốt lõi khoảng 120 tín chỉ.
- Phần kiến thức hỗ trợ (khoảng 20 tín chỉ) có thể bố trí thêm theo các định hướng sau đây:

3.1.1. Bố trí thêm một số môn học trong cùng một khoa để tạo ra các chuyên ngành theo các lĩnh vực hẹp của ngành (tương tự như các chương trình đào tạo ngành đơn theo niên chế phổ biến hiện nay). Các môn học chuyên ngành bắt buộc có thể cố định cho từng chuyên ngành như trước đây, nhưng các môn học chuyên ngành tự chọn được thiết kế chung cho tất cả các chuyên ngành.

3.1.2. Thiết kế theo kiểu ngành chính – phụ bằng cách bố trí thêm một số môn học của một ngành thứ hai trong cùng một khoa (ví dụ: ngành Vật lý và kiến thức hỗ trợ của ngành Khoa học vật liệu, ngành Lịch sử và kiến thức hỗ trợ của Nhân học,...);

3.1.3. Thiết kế theo kiểu ngành chính – phụ bằng cách bố trí thêm một số môn học của một ngành thứ hai trong cùng một trường/khoa trực thuộc (ví dụ: ngành Ngôn ngữ và kiến thức hỗ trợ của Báo chí,...);

3.1.4. Thiết kế theo kiểu ngành chính – phụ bằng cách bố trí thêm một số môn học có nội dung lựa chọn khá tự do, liên quan đến nhiều ngành khác trong toàn ĐHQGHN (ví dụ: ngành CNTT và các kiến thức hỗ trợ là Quản trị Kinh doanh, Báo chí hoặc/và Khoa học quản lý; ngành Tiếng Anh và các kiến thức hỗ trợ là Quản trị Kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng hoặc/và Báo chí,...).

Các môn học thuộc khối kiến thức hỗ trợ được bố trí giảng dạy bắt đầu từ năm thứ hai, nhưng chủ yếu vào năm thứ ba và năm thứ tư.

3.2. Các môn học trong các chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thiết kế bằng cách tổ hợp một cách hiệu quả các môn học đã có trong nguồn tài nguyên các môn học của ĐHQGHN với các mã số đã được xác định hoặc kết hợp thêm một số môn học mới nhưng phải đảm bảo nội dung của các môn học và nội dung của chương trình phù hợp với tên ngành đào tạo.

Các môn học có mã số mới phải đảm bảo phù hợp về thời lượng, số tín chỉ, nội dung giảng dạy trong các chương trình đào tạo hiện có ở các trường đại học trong nước (hoặc nước ngoài).

Các môn học trong chương trình đào tạo được tổ hợp có sự hỗ trợ lẫn nhau; có tính kế thừa, đảm bảo quá trình phát triển hệ thống của sản phẩm đào tạo cả về kiến thức và kỹ năng, vừa ở mức độ cơ bản, vừa ở mức nâng cao.

3.3. Các môn học thuộc khối kiến thức chung, kiến thức cơ bản

Khối lượng kiến thức các môn học thuộc khối kiến thức chung, kiến thức cơ bản được phân chia thành các mô đun và có mã số thống nhất trong toàn ĐHQGHN theo hướng thuận lợi cho việc phát triển các môn học chung và thuận lợi trong việc tổ chức đào tạo tín chỉ và liên thông. Tùy theo đặc điểm và yêu cầu của ngành hoặc nhóm ngành, môn học chung sẽ được thiết kế bao gồm một hoặc tổ hợp một số mô đun đã có.

4. Tổ chức xây dựng chương trình và triển khai đào tạo bằng kép

Việc tổ chức đào tạo bằng kép (hai bằng) nói chung được thực hiện như việc tổ chức đào tạo văn bằng thứ hai quy định trong Quy chế đào tạo đại học ở ĐHQGHN. Đối với một số ngành có nhu cầu đào tạo bằng thứ hai cao, các đơn vị muốn xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo ổn định, cần triển khai thực hiện quy trình sau đây:

4.1. Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo bằng thứ hai theo định hướng có kiến thức hỗ trợ gần với ngành thứ nhất như đã nêu trong mục 3.1.2, 3.1.3 hoặc 3.1.4;

4.2. So sánh chương trình đào tạo của bằng thứ hai đã được xây dựng ở mục 4.1. với chương trình đào tạo của bằng thứ nhất để xem xét các môn học giống nhau và các môn học có thể chuyển đổi tương đương và xác định các môn học cần phải đào tạo bổ sung cho bằng thứ hai;

4.3. Báo cáo ĐHQGHN (qua Ban Đào tạo) chương trình đào tạo, quy mô tuyển sinh, định mức học phí để Giám đốc xem xét, phê duyệt trước khi tổ chức tuyển sinh.

5. Quy trình xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp với kế hoạch ngân sách hàng năm và kế hoạch phát triển của ĐHQGHN

5.1. Các đơn vị đào tạo căn cứ sứ mệnh và tình hình phát triển chung để tổ chức xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển các ngành, chuyên ngành đào tạo mới; bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phát triển chiến lược và đưa vào kế hoạch nhiệm vụ năm học của đơn vị; báo cáo ĐHQGHN xem xét, phê duyệt làm cơ sở để triển khai thực hiện hàng năm.

5.2. Để thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch đào tạo và kế hoạch ngân sách hàng năm của ĐHQGHN, ***nhiệm vụ tổ chức đào tạo ngành mới trong năm học mới của các đơn vị phải được Giám đốc phê duyệt trước ngày 15 tháng 7.***

5.3. Chương trình đào tạo mới chỉ được thông báo tuyển sinh sau khi đã được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt, ban hành và giao nhiệm vụ đào tạo cho đơn vị. Trong trường hợp đặc biệt Giám đốc có quyết định riêng.

5.4. Quy trình chuẩn bị Đề án mở ngành đào tạo cấp cơ sở và tổ chức thẩm định cấp ĐHQGHN thực hiện như quy định hiện hành. ***Các đơn vị nộp Đề án mở ngành cho***

ĐHQGHN (qua Ban Đào tạo) trước tháng 3 sẽ được tổ chức thẩm định để đảm bảo kế hoạch nêu trong mục 5.2.

Các đơn vị đào tạo cần nắm vững quy trình thẩm định Đề án để có kế hoạch phù hợp.

Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị đào tạo báo cáo bằng văn bản về ĐHQGHN (qua Ban Đào tạo) để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(đã ký)

Nơi nhận:

- Giám đốc (để báo cáo);
- Các đơn vị đào tạo (để thực hiện);
- Lưu: VP, Ban ĐT.

GS.TS. Nguyễn Hữu Đức